

Tên:

Week: 39

Lớp: S5...

Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../.../...

Đọc HW:

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../.../...



Grammar Revision & Reading and Writing Practice

A. THEORY

I. EXTRA VOCABULARY

Con bấm vào link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5_viet_w39_reading



No.	Words	Meanings	Picture	No.	Words	Meanings	Picture
1	go on a trip (phr)	đi chuyến đi / đi dã ngoại		4	probably (adv)	có lẽ, có khả năng	
2	coach (n)	xe khách / xe buýt đường dài		5	love story (n)	câu chuyện tình yêu	
3	play (n)	vở kịch		6	several of (phr)	một vài / một số trong số	

***Note:** *n = noun: danh từ; phr = phrase: cụm từ; adv = adverb: trạng từ.*

II. GRAMMAR REVISION

❖ **Past simple with verbs** (Thì quá khứ đơn với động từ)

- **Cách dùng:** Diễn tả sự việc đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

- **Dấu hiệu nhận biết:** Thường đi kèm với thời gian ở quá khứ.

+ yesterday (*yesterday morning, yesterday afternoon, yesterday evening*)

+ last + time (*last night / last week / last year / last summer*)

+ time expression + ago (*2 days ago, a week ago, three years ago...*)

+ in + năm quá khứ (*in 2010, in 1999, in 2005...*)

+ when + mệnh đề quá khứ (*when I was young, when she was a child...*)

	Công thức	Ví dụ
Khẳng định	S + V2/V-ed (+ O)	She ran to school.
Phủ định	S + didn't + V-inf (+ O)	She didn't run to school.
Câu hỏi Yes/No	Did + S + V-inf (+ O)? → Yes, S + did. / No, S + didn't.	Did she run to school? → Yes, she did. / No, she didn't.

Lỗi thường gặp	Ví dụ sai	Ví dụ đúng
Quên chia động từ ở quá khứ	She go to school yesterday.	She went to school yesterday.
Dùng V2/V-ed sau didn't/did	They didn't went to the park. Did you watched TV last night?	They didn't go to the park. Did you watch TV last night?

❖ **Past continuous** (Thì quá khứ tiếp diễn)

- **Cách dùng:** Diễn tả:

- + Một hành động đang diễn ra tại một **thời điểm xác định** trong quá khứ
- + Một **hành động đang xảy ra** thì có **hành động khác xen vào**
- + **Hai hành động đang diễn ra song song** trong quá khứ

- **Dấu hiệu nhận biết:** Thường đi kèm với thời gian xác định ở quá khứ.

- + at + thời điểm trong quá khứ (*at 7 p.m. yesterday, at this time last night, ...*)
- + while + mệnh đề quá khứ (*while I was sleeping, while she was cooking, ...*)

	Công thức	Ví dụ
Khẳng định	S + was / were + V-ing (+ O)	She was running in the park.

***Cấu trúc với WHEN và WHILE:**

	WHEN	WHILE
Cách dùng	Dùng để diễn tả hành động xen vào khi hành động khác đang diễn ra - Nhấn mạnh thời điểm hành động xảy ra	- Dùng khi hai hành động đang diễn ra cùng lúc trong quá khứ - Dùng khi một hành động đang diễn ra thì một hành động khác xen vào - Nhấn mạnh quá trình / bối cảnh
Cấu trúc	S + was / were + V-ing when S + V2 / V-ed	While S + was / were + V-ing, S + was / were + V-ing While S + was / were + V-ing, S + V2 / V-ed
Ví dụ	She was doing her homework when her mother came home.	While she was doing her homework, her brother was watching TV. While she was doing her homework, her mother came home.

Lỗi thường gặp	Ví dụ sai	Ví dụ đúng
Quên thêm -ing sau động từ	They were play football.	They were playing football.
Thiếu hoặc dùng sai sai was/were	We was watching TV.	We were watching TV.
Dùng Past Simple sau while khi nói 2 hành động song song	While I did homework, my sister watched TV.	While I was doing homework, my sister was watching TV.

B. CLASSWORK

I. Pre-writing: Choose the correct answers.

1. A "trip" means

- A. a heavy bag
- B. a short journey
- C. a school bus

2. "Famous" means

- A. very young
- B. well-known
- C. very fast

3. A "play" is
- A. a kind of game
B. a piece of music
C. a story performed by actors
5. In the reading, "coach" is a kind of
- A. teacher
B. bus
C. food
4. A "love story" is a story about
- A. animals
B. food and cooking
C. people who love each other
6. When people are very sad, they often
- A. laugh
B. cry
C. sing

II. For each question, write the correct answer. Write ONE word for each gap.

KET PART 5 - 6 questions

A school trip to the theatre

Last week, everyone in my class (0) went on a trip to the theatre. We travelled there (1) coach. The theatre is about 10 kilometres away from school, so it was much (2) far to walk. The play was *Romeo and Juliet* by William Shakespeare. In fact, it's probably the (3) famous of all the plays that Shakespeare wrote. We've studied it at school, so I knew (4) it's about. It's a love story, but it's also the saddest play I (5) ever seen. At the end, several (6) the people in my class were crying. But I loved it!

C. HOMEWORK

GRAMMAR (21 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục A. THEORY: EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Read the paragraph and put the verbs in brackets into the PAST SIMPLE.

My Sunday at the park

Last Sunday, I (0) went (*go*) to the park with my family. We (1) (**walk**) there because it wasn't very far. My little sister (2) (**play**) with her new ball on the grass. After that, my dad (3) (**buy**) us some ice cream from a small shop. At noon, we (4) (**eat**) a picnic lunch under a big tree. We (5) (**not stay**) at the park all day because it started to rain. We (6) (**have**) a wonderful Sunday together.

III. Change the PAST SIMPLE sentences into negative (-) or question (?) forms as shown in the example.

0. *She played football yesterday.*

→ (-) *She didn't play football yesterday.*

→ (?) *Did she play football yesterday?*

1. He visited his grandma last Sunday.

→ (-)

2. They watched a film last night.

→ (?)?

3. Mai bought a new dress yesterday.

→ (-)

4. We went to the beach last summer.

→ (?)?

5. My dad cooked dinner last Saturday.

→ (-)

IV. Put the verbs in brackets into the PAST SIMPLE or PAST CONTINUOUS.

0. *While I was reading (read), the doorbell rang (ring).*

1. Yesterday at 8 PM, I (study) when my friend (knock) on the door.

2. While my mum (cook) dinner, my dad (read) the newspaper.

3. The accident (happen) while we (drive) to school.

4. When the teacher (come) into the classroom, the students (talk) loudly.

5. While I (walk) home, it (start) to rain.

V. Find ONE mistake in each sentence and correct it.

0. *I was watching TV while the phone rang.*

→ when

1. She was reading a book while the cat jumped on her lap.

→

2. Lan singed in her room when her mother came in.

→

3. While I washed the dishes, my sister was doing her homework.

→

4. He was riding his bike when he was falling down.

→

5. The students took a test when the fire alarm rang.

→

READING PRACTICE (11 questions)

Read the text from CLASSWORK (page 3) again.

I. Choose the correct answers.

- | | |
|---|--|
| <p>1. When did the class go on the trip?</p> <p>A. yesterday</p> <p>B. last week</p> <p>C. last year</p> | <p>4. Who wrote the play they saw?</p> <p>A. the narrator's teacher</p> <p>B. William Shakespeare</p> <p>C. the narrator</p> |
| <p>2. How did they travel to the theatre?</p> <p>A. by car</p> <p>B. on foot</p> <p>C. by coach</p> | <p>5. What kind of story is Romeo and Juliet?</p> <p>A. a funny story</p> <p>B. a scary story</p> <p>C. a love story</p> |
| <p>3. How far is the theatre from the school?</p> <p>A. 1 kilometre</p> <p>B. about 10 kilometres</p> <p>C. about 100 kilometres</p> | <p>6. How did the narrator feel about the play?</p> <p>A. They loved it</p> <p>B. They didn't like it</p> <p>C. They were bored</p> |

II. Complete each sentence with NO MORE THAN THREE WORDS from the text.

0. *The class couldn't walk to the theatre because it was much too far to walk.*
1. The narrator already knew the story because they it at school.
 2. Romeo and Juliet is probably of all the plays Shakespeare wrote.
 3. The narrator says Romeo and Juliet is also play they have ever seen.
 4. At the end of the play, of the people in the class were crying.
 5. Although the play was very sad, the narrator it.